

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG
KHOA SƯ PHẠM XÃ HỘI



Bài giảng học phần

DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC

Chương trình Đại học ngành Sư phạm Ngữ văn

Giảng viên: NGUYỄN THỊ HỒNG HUỆ

Khoa Sư phạm Xã hội

QUẢNG NGÃI, THÁNG 7/2019

Chương 1

NGÔN NGỮ VÀ NGÔN NGỮ HỌC

1. Tổng quan về ngôn ngữ

1.1. Khái niệm ngôn ngữ

- Ngay từ thời tiền sử, khi con người có mặt trên trái đất thì đồng thời có ngôn ngữ. Và cho đến xã hội hiện đại ngày nay và mai sau thì ngôn ngữ vẫn là một thuộc tính quyết định đầu tiên của con người. Khó có thể nói hết được ý nghĩa vĩ đại và vai trò quyết định của tiếng nói (ngôn ngữ) đối với con người như đồ ăn, thức uống, như không khí, hơi thở vậy. Nó gắn bó đến mức mà nhiều khi dường như người nói không để ý đến rằng: con người tồn tại trao đổi những tư tưởng, tình cảm, tri thức và tổ chức hoạt động xã hội được là nhờ cái gì, nếu không có tiếng nói (ngôn ngữ) !

Nhưng ngôn ngữ là gì ? Quả là khó có thể có một lời giải đáp hoặc định nghĩa ngắn gọn và đầy đủ nhất. Bởi vì bản thân ngôn ngữ cũng phong phú và đa dạng (nếu không nói là phức tạp) như chính chủ thể đã sáng tạo ra nó vậy (con người).

Con người là trung tâm thu hút của nhiều ngành khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn. Ngôn ngữ cũng là đối tượng trực tiếp của nhiều lĩnh vực khoa học rộng lớn (ngôn ngữ học, văn học, logic học, tâm lý học, toán học...). Ngôn ngữ có thể được tiếp cận từ nhiều phía, xuất phát từ nhiều quan điểm, khuynh hướng khác nhau, khai thác theo những mức độ rộng hẹp, nông sâu khác nhau. Ngay cả những cách giải thích gần gũi và trực quan nhất, như xem ngôn ngữ là những bảng từ trong từ điển, là những chuỗi âm thanh, là các sách ngữ pháp hoặc những chữ cái... thì cũng chỉ vạch ra những biểu hiện, những khía cạnh khác nhau của ngôn ngữ mà thôi.

- Để có một cách hiểu cụ thể hơn về ngôn ngữ, chúng ta hãy bắt đầu bằng một lời nói có nội dung trọn vẹn trong tiếng Việt :

Đẹp vô cùng, tổ quốc ta ơi !

Người Việt Nam nào cũng đều hiểu nội dung lời nói này và thừa nhận đây là một câu. Vì ở câu nói này các âm thanh, các tiếng được tổ chức sắp xếp theo một trật tự nhất định hay nói cách khác, theo một *qui tắc ngữ pháp* nhất định. Nhờ qui

tắc kết hợp này mà câu nói có ý nghĩa. Đó là qui tắc đảo trật tự: Vị ngữ + chủ ngữ và hô ngữ. Nếu trật tự các tiếng trong câu nói này thay đổi tùy tiện, tự do thì câu nói sẽ trở nên vô nghĩa. Với qui tắc ngữ pháp nói trên, người Việt có thể tổ chức vô số câu nói có ý nghĩa dùng để giao tiếp.

Ai cũng biết câu nói trên được kết hợp từ các tiếng có nghĩa, hoặc các từ. Câu nói trên gồm có 5 từ (*đẹp/vô cùng/tổ quốc/ta/oi*). Mỗi từ có nội dung ngữ nghĩa khác nhau, biểu thị những khía cạnh khác nhau của thế giới hiện thực (sự đánh giá, gọi tên sự vật, ý nghĩa nhân xưng, sắc thái cảm thán...) và ta thường gọi đó là những *tính từ, danh từ, đại từ nhân xưng, thán từ* ... Trong các từ nói trên, có từ chỉ một tiếng hay là một âm tiết, có từ gồm 2 hay nhiều tiếng. Các tiếng (âm tiết) ở trên có chức năng kết hợp theo những qui tắc nhất định để tạo ra từ, ta gọi là từ ghép. Các tiếng có chức năng cấu tạo từ, ta gọi là các *hình vị*. Bản thân các tiếng (âm tiết hình vị) chưa phải đã thuần nhất, không phân chia được nữa. Về mặt thính giác, mỗi một âm tiết là một tổ hợp âm thanh được cấu tạo bằng nhiều âm nhỏ nhất không phân chia được. Chẳng hạn: “*đẹp*” gồm các âm / *đ* , *e* , *p*/ và thanh nặng hợp thành. Người Việt có thể dễ dàng tách các âm đó trong một âm tiết. Các âm nhỏ nhất đó ta gọi là các âm vị. Các âm vị cùng kết hợp với nhau theo những qui tắc nhất định để tạo ra mỗi âm tiết trong ngôn ngữ.

Như vậy, việc phân tích một lời nói bất kỳ cho ta thấy: một lời nói trong các ngôn ngữ bất kỳ luôn luôn có mặt các đơn vị: câu (cấu trúc câu), từ (cụm từ), hình vị, âm vị và các qui tắc kết hợp (kết hợp âm để thành tiếng, kết hợp tiếng để thành từ, kết hợp từ để thành câu). Các qui tắc kết hợp ấy ta thường gọi là *ngữ pháp*. Các loại đơn vị cùng với ý nghĩa của chúng và các qui tắc kết hợp liên kết với nhau thành một mạng lưới chặt chẽ, sắp xếp theo tôn ti, hệ thống, làm nòng cốt bên trong cho mọi sự giao tiếp bằng lời của con người.

Như vậy, về mặt bản thể, ta có thể hiểu *ngôn ngữ như một hệ thống bao gồm các loại đơn vị và các qui tắc ngữ pháp, tồn tại tiềm tàng trong mọi bộ óc của một cộng đồng người*. Ngôn ngữ sẽ còn được nhận thức sâu hơn, đa dạng hơn khi tiếp cận nó từ góc độ tâm lí học, sinh lí học, xã hội học, lôgic học hoặc kí hiệu học ...

Song, trước hết và căn bản là phải nhìn từ góc độ “*xét trong bản thân nó và vì bản thân nó*” (F.de Saussure).

1.2. Mỗi quan hệ giữa ngôn ngữ và lời nói

- Những điều vừa trình bày ở trên về ngôn ngữ mới chỉ là một mặt của vấn đề giao tiếp bằng ngôn ngữ. Dù ngôn ngữ (các đơn vị và qui tắc kết hợp) tồn tại hiện thực, nhưng ở dạng tiềm năng, trừu tượng. Nó vừa có mặt trong mọi lời nói của các thành viên trong xã hội, nhưng lại vừa không cụ thể. Hàng ngày, chúng ta chỉ lĩnh hội những lời nói cá nhân với tất cả nội dung ý nghĩa cụ thể lẫn sắc thái cá nhân cụ thể của người nói. Thực tế giao tiếp cho thấy, khi ta nghe một câu ca, một lời nói, một âm thanh (tiếng hỏi, lời chào...) của anh A hoặc chị B mà ta đã quen biết (dù không trông thấy người đó), nhưng ta vẫn nhận ra đó là tiếng của anh A hoặc chị B. Như vậy, tính cụ thể của nội dung, đặc điểm tâm sinh lý cá nhân của người nói là đặc trưng nổi bật giúp ta nhận hiểu lời nói. Thực tế ấy buộc ta phải tìm hiểu quan hệ giữa ngôn ngữ (cái chung, cái trừu tượng) và lời nói (cái riêng, cái có tính cụ thể, tính cá nhân).

- Trong lịch sử hình thành và phát triển của ngôn ngữ học không phải ngay từ đầu người ta đã tìm thấy sự khác nhau nhưng rất biện chứng giữa hai sự kiện ngôn ngữ và lời nói. Người ta hoặc là chỉ thừa nhận sự tồn tại của ngôn ngữ hoặc là sự tồn tại của lời nói cá nhân

Ngay cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, để khắc phục chủ nghĩa phổ niệm và chủ nghĩa giáo điều của phái tự nhiên chủ nghĩa, nhiều nhà ngôn ngữ học đã nghiên cứu các hiện tượng ngôn ngữ riêng và lời nói cá nhân. Nhưng họ dẫn đến cực đoan, phủ nhận ngôn ngữ là tài sản của tập thể, nghi ngờ sự tồn tại của ngôn ngữ chung, như O. Sakhmatốp đã phát biểu: “*Ngôn ngữ của từng cá nhân mới tồn tại thực sự, còn ngôn ngữ của làng mạc, thành thị, tỉnh khu dân tộc chỉ là những giả định khoa học*”. Các nhà bác học lớn như Humboldt, Standan, Fortunatốp, Boduen de Kurteni... đã từng quan tâm đến sự phân biệt này. Đặc biệt nhà ngôn ngữ học nổi tiếng Thụy Sĩ F. de Saussure đã phân biệt khá tỉ mỉ giữa ngôn ngữ và lời nói. Theo ông có ba khái niệm gắn bó với ba đối tượng khác nhau: ngôn ngữ (langue), lời nói (parole) và hoạt động ngôn ngữ ((langage). Hoạt động ngôn ngữ được chia làm hai phần:

Phần 1, cơ bản, coi ngôn ngữ là đối tượng, tức là cái gì thực chất có tính xã hội và không phụ thuộc vào cá nhân (...).

Phần 2, phần phụ, coi mặt cá nhân của hoạt động lời nói là đối tượng (...). Lời nói là hành động ý chí và trí tuệ cá nhân. Trong lời nói ông cũng phân biệt:

1) *Những cách kết hợp mà người nói dùng theo qui phạm của ngôn ngữ để biểu đạt ý nghĩa riêng của mình.*

2) *Cái cơ chế tâm lí - vật lí cho phép người ấy thể hiện những cách kết hợp ấy ra ngoài (...).*

F.de.Saussure đã xem hai đối tượng này (ngôn ngữ và lời nói) có liên hệ chặt chẽ và qui định lẫn nhau. Ngôn ngữ là cần thiết để có thể hiểu được lời nói và gây được tất cả những hiệu quả của nó. Lời nói là cần thiết để xác lập ngôn ngữ; về lịch sử thì sự kiện lời nói bao giờ cũng đi trước một bước...

- Những phát hiện của F.de.Saussure về *hoạt động ngôn ngữ và lời nói* là nền tảng quý báu cho sự phát triển các khuynh hướng ngôn ngữ về sau. Ông đã hoàn toàn đúng khi nhìn thấy ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội, là sản phẩm của một tập thể xã hội ..., đã định nghĩa ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu. Vì, nếu ngôn ngữ không phải là kí hiệu thì loài người không thể giao tiếp với nhau được. Song, ông lại duy tâm khi xem ngôn ngữ là một hiện tượng thuần túy tâm lí, phi vật chất. Đối với ngôn ngữ, tính vật chất là cần thiết, không thể thiếu được (các âm tố, chữ cái và những cách kết hợp chúng). Ngôn ngữ không mang tính vật chất thì không còn là kí hiệu nữa. Khi phân biệt ngôn ngữ và lời nói, có lúc ông đã rơi vào cực đoan, siêu hình vì sự tuyệt đối hóa, tách rời và đối lập hai sự kiện mà trước đó ông đã thừa nhận là có sự liên hệ chặt chẽ và qui định lẫn nhau. Tách ngôn ngữ ra khỏi lời nói, đồng thời ông cũng tách luôn cái có tính xã hội với cái có tính chất cá nhân; cái có tính chất cốt yếu với cái có tính chất thứ yếu, ngẫu nhiên.

- Chúng ta đều biết rằng các đơn vị ngôn ngữ được những người nói trong một cộng đồng sử dụng lặp đi lặp lại nhiều lần và mỗi lần sử dụng đều không hoàn toàn giống nhau. Chẳng hạn, cùng một âm tiết “NHÀ” nhưng đàn ông phát âm khác đàn bà, cụ già phát âm khác trẻ em, thậm chí cùng một người nhưng phát âm ở trong nhà khác phát âm ở ngoài trời, lúc khỏe phát âm khác lúc ốm... Nhưng dù có sự

khác biệt khi phát âm ở mọi nơi, mọi lúc, mọi đối tượng thì người nghe vẫn nhận ra đó là âm tiết "NHÀ" chứ không phải âm tiết nào khác. Như vậy, ở âm tiết "NHÀ" cũng như mọi đơn vị khác của ngôn ngữ có mặt chung, thống nhất, tồn tại khách quan trong ý thức của cộng đồng người nói, không phụ thuộc vào tư tưởng, tình cảm của cá nhân. Nhờ tính chung đó mà các đơn vị ngôn ngữ được lặp đi lặp lại nhiều lần, mà người nói, người nghe có thể hiểu biết lẫn nhau và ngôn ngữ mới trở thành một phương tiện giao tiếp. Nhưng cái chung (ngôn ngữ) luôn luôn tồn tại và thể hiện trong cái riêng (lời nói). Trong bất kỳ một lời nói nào ta cũng có thể nhận thấy sự tồn tại của các qui tắc kết hợp, các từ, các hình vị và các âm vị, nói một cách khác, là sự tồn tại của hệ thống ngôn ngữ.

Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và lời nói có thể được nhận thức trên cơ sở những quan điểm biện chứng giữa cái chung và cái riêng, giữa cái bản chất và cái hiện tượng, giữa cái trừu tượng và cái cụ thể. Trong đó, ngôn ngữ được xem như là cái chung, cái bản chất, cái trừu tượng; còn lời nói như là cái riêng, cái hiện tượng và cái cụ thể. Lênin đã viết: *"Cái chung chỉ có thể tồn tại trong cái cá biệt, thông qua cái cá biệt. Bất cứ cái gì cá biệt cũng đều có (bằng cách này hay cách khác) tính chất chung. Bất cứ cái chung nào cũng đều là (một bộ phận, một mặt bản chất) của cái cá biệt..."* (V.I. Lê nin - *Bàn về phép biện chứng* - Nxb Sự thật, Hà Nội 1959, tr.348).

1.3. Bản chất của ngôn ngữ

1.3.1. Bản chất xã hội của ngôn ngữ

1.3.1.1. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội

Trong lịch sử hình thành và phát triển của ngôn ngữ học, không phải ngay từ đầu người ta dễ dàng nhận ra bản chất xã hội của ngôn ngữ, dễ dàng khẳng định ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội.

- Do những thành tựu của khoa học sinh vật học, đặc biệt là học thuyết tiến hóa của Đắc Uyn, một số người đã giải thích ngôn ngữ như *một cơ thể sinh vật, tồn tại và phát triển hoàn toàn theo quy luật tự nhiên*. Nghĩa là, tiếng nói của con người ở mọi nơi, mọi lúc đều phải tuân tự trải qua một quá trình phát sinh, trưởng thành, thịnh vượng, suy tàn và mất đi.

Sự thật, trong mỗi ngôn ngữ, theo thời gian, những yếu tố cũ mất đi (các từ, hình thái hoặc một vài âm) và những yếu tố mới nảy sinh. Thậm chí cũng có những ngôn ngữ ngày nay không được dùng nữa mà ta thường gọi là các từ ngữ như tiếng La tinh, tiếng Phạn, tiếng Sanscrit... Nhưng, qui luật phát triển của ngôn ngữ không giống với qui luật phát triển của tự nhiên. Ngôn ngữ luôn luôn kế thừa và phát triển, không bao giờ bị hủy diệt hoàn toàn. Sự biến đổi và phát triển của ngôn ngữ trong từng bộ phận không đồng đều nhau. Những thứ tiếng được coi là từ ngữ, dù không được dùng nữa, nhưng còn để lại nhiều dấu tích trong các ngôn ngữ hiện đại (chẳng hạn, cách phát âm tiếng Việt cổ, các ngôn ngữ tiền thân...).

- Một số người khác thì lại coi *ngôn ngữ như các thuộc tính bản năng sinh vật ở con người*. Nghĩa là hoạt động, nói năng, suy nghĩ cũng giống như các hoạt động bản năng khác như: ăn, cười, khóc, chạy... Tất cả đều hình thành một cách tự nhiên, theo những qui luật giống nhau. Đứa trẻ ra đời cứ theo năm tháng mà biết ăn, biết khóc cười, biết chạy nhảy và biết nói. Mọi đứa trẻ trên thế giới khi cất tiếng nói chào đời đều là những âm giống nhau (*oa...oa đến ma ma, pa pa...*). Đó là những kết luận nhằm lẫn đánh đồng giữa hiện tượng và bản chất làm một. Thực ra, những thuộc tính bản năng sinh vật như: khóc, cười, chạy... có thể nảy sinh và phát triển ở bên ngoài xã hội, ở trạng thái đơn lập, tách khỏi thế giới loài người. Nhưng ngôn ngữ hoàn toàn không thể có được trong những điều kiện như vậy. *Ngôn ngữ chỉ sinh ra và phát triển trong xã hội loài người, do ý muốn và nhu cầu: con người muốn sống, tồn tại và phát triển cần phải có sự liên hệ giao tiếp*. Nếu ta thử tách đứa bé sơ sinh đem nuôi ở một nơi cách li với môi trường con người thì đứa trẻ có thể sẽ lớn lên biết ăn, cười, khóc, chạy...nhưng tuyệt nhiên sẽ không biết nói. Điều này đã được chứng minh bằng nhiều câu chuyện có thực trong thực tế.

Trong "*Hòn đảo bí mật*", Juylo Vác nơ đã kể câu chuyện về chàng Ac-tông bị bỏ rơi ở hoang đảo để trừng phạt vì phạm tội. Do cách li khỏi xã hội nhiều năm, chàng Ac-tông không giống như người nữa. Chàng mất hết khả năng tư duy và không nói được. Nhưng khi được các kiều dân tìm thấy, được trở về với xã hội loài người thì khả năng tư duy và khả năng nói dần dần phục hồi trở lại.

Câu chuyện về hai em bé gái Ấn Độ được RiddoXing phát hiện trong một hang sói vào năm 1920 cũng chứng minh điều đó. Vì bị rơi vào đời sống thú vật, hai em đã tiếp thu những thói quen đời sống của loài sói và mất đi những khả năng của con người, đặc biệt không biết nói mà chỉ biết kêu rống mà thôi.

Như vậy, ngôn ngữ hình thành và tồn tại trong ý thức của con người không phải do bẩm sinh như các thuộc tính bản năng khác mà do từ bên ngoài vào, do cộng đồng những người nói ngôn ngữ đó và cá nhân nói ngôn ngữ đó từ thuở nhỏ.

- Hiện tượng đồng nhất âm thanh của trẻ em trên thế giới cũng không chứng minh được ngôn ngữ là một hiện tượng sinh vật. Bởi vì, những âm thanh của trẻ em ban đầu tập nói chưa phải là ngôn ngữ mà chỉ là những âm thanh vô nghĩa. Chúng chỉ trở thành ngôn ngữ khi được liên hệ với một ý nghĩa nào đó. Đến khi đó, các âm giống nhau trong các ngôn ngữ lại mang những ý nghĩa khác nhau (các từ khác nhau). Chẳng hạn, từ “*ma ma*” có trong tiếng Nga có nghĩa là “*mẹ*” trong tiếng Grudi lại có nghĩa là “*bố*”. Từ “*ba ba*” trong tiếng Nga là “*bà*”, trong tiếng Việt là “*bố*”, nhưng trong tiếng Thổ Nhĩ Kỳ lại là “*cô gái*”... và lúc bấy giờ, cái gọi là đồng nhất âm thanh không còn nữa. Sở dĩ trẻ em tập nói đều phải phát âm những âm thanh như trên là vì đó là những âm môi, dễ phát âm đối với trẻ nhỏ.

- Còn có cách giải thích bản chất sinh vật của ngôn ngữ dựa vào sự tương quan giữa các đặc trưng chủng tộc và ngôn ngữ. Nói cách khác, người ta còn *đồng nhất ngôn ngữ với các đặc trưng chủng tộc*. Trên thực tế thì giữa các đặc trưng chủng tộc và ngôn ngữ không có mối liên hệ bên trong nào. Các đặc trưng chủng tộc như màu da, kích thước thân thể, màu mắt... là có tính di truyền.... Bố mẹ da vàng sẽ sinh con da vàng, bố mẹ tóc đen đều sinh con tóc đen... Nhưng ngôn ngữ về bản chất không mang tính di truyền. Nếu chuyển chỗ ở của đứa trẻ sơ sinh từ Việt Nam sang Nga, còn đứa trẻ người Nga sang Việt Nam thì lớn lên chắc chắn đứa trẻ Việt Nam sẽ nói tiếng Nga, còn đứa trẻ người Nga sẽ nói tiếng Việt. Mặc dù những đặc trưng chủng tộc trên người chúng chẳng giống gì với những người thuộc cộng đồng ngôn ngữ mà chúng đang nói.

- Mặt khác, giữa *ranh giới các chủng tộc và ranh giới các ngôn ngữ cũng không trùng nhau*. Một chủng tộc có thể có nhiều thứ tiếng khác nhau như trường

hợp chủng tộc sống ở bờ bắc Địa Trung Hải (Hy Lạp, An-ba-ni, Xéc-bi... nói các thứ tiếng khác nhau) . Hoặc ngược lại, có khi nhiều chủng tộc khác nhau lại có thể nói cùng một ngôn ngữ như ở Hoa Kỳ chẳng hạn.

- Để chứng minh bản chất sinh vật của ngôn ngữ, người ta còn liên hệ và đi đến *đồng nhất ngôn ngữ với tiếng kêu các loài vật*. Họ không nhìn thấy sự khác biệt về chất giữa hai hiện tượng trên. Họ cho rằng động vật cũng có ngôn ngữ, rằng động vật có khả năng dùng âm thanh để thông báo hoặc biểu hiện cảm xúc của mình (như mừng rỡ, sợ hãi, giận dữ...), rằng nhiều động vật có khả năng hiểu được tiếng nói của con người.

Về sự khác biệt giữa ngôn ngữ của loài người và âm thanh của động vật, học thuyết về hệ thống tín hiệu I.Páp-lốp đã chứng minh . Ông khẳng định rằng những biểu hiện âm thanh của các loài vật chỉ là những hiện tượng thuần túy sinh vật học. Đó chỉ là những phản xạ có điều kiện hoặc không điều kiện mà thôi và ông gọi đó là *hệ thống tín hiệu thứ nhất*. Hệ thống này là chung cả ở người và động vật. Nhưng tiếng nói của con người thì thuộc *hệ thống tín hiệu thứ hai*. Hệ thống này gắn liền với tư duy trừu tượng, với việc tạo ra các khái niệm và các từ, với việc các tín hiệu âm thanh mang nghĩa.

Rõ ràng tiếng kêu của loài động vật thuần túy chỉ là những dấu hiệu bản năng, có tính chất bẩm sinh và di truyền. Ngay cả khi một số con vật có thể học phát âm được tiếng người nhưng cũng chỉ là kết quả của quá trình rèn luyện phản xạ có điều kiện và chỉ ở một số âm hạn chế. Vĩnh viễn không bao giờ chúng có thể ý thức được rằng chúng đã nói gì và vì sao chúng lại nói như vậy. Dù chúng có thông minh đến đâu thì cũng không thể nào tự lĩnh hội được hoặc tự phát âm được những âm thanh để biểu thị khái niệm ở ngoài môi trường có phản xạ. Cái gọi là "năng lực ngôn ngữ" chỉ có ở con người và không thể có ở các loài động vật.

- Trong khi phê phán quan điểm sinh vật học đối với ngôn ngữ, một số nhà bác học vẫn không thừa nhận bản chất xã hội của ngôn ngữ mà *coi ngôn ngữ chỉ là hiện tượng cá nhân*. Viện sĩ Sakhatop đã khẳng định rằng chỉ có ngôn ngữ của mỗi cá nhân mới tồn tại hiện thực, còn ngôn ngữ của làng xóm, thành phố, dân tộc là những giả định khoa học, là kết luận trung tín từ một số ngôn ngữ cá nhân nhất

định. A.A. Steintal cho tâm lí cá nhân là nguồn gốc của ngôn ngữ, qui luật phát triển của ngôn ngữ là qui luật tâm lí học...

Thực ra, cái gọi là "ngôn ngữ cá nhân" chỉ là lời nói ở từng cá nhân riêng biệt. Ngôn ngữ không phải chỉ là hiện tượng riêng của cá nhân anh, cá nhân tôi mà là của chúng ta. Ngôn ngữ là cái chung của xã hội, là của cả cộng đồng người nói. Vì thế mà anh nói tôi hiểu và chúng ta hiểu nhau. Đối với mọi cá nhân, ngôn ngữ như thiết chế xã hội chặt chẽ, được giữ gìn và phát huy trong kinh nghiệm, trong truyền thống chung của cả cộng đồng. Là phương tiện giao tiếp chung của mọi người trong xã hội, ngôn ngữ không mang tính chất cá nhân của từng con người. Nếu mỗi người đều có ngôn ngữ riêng của mình thì không thể trao đổi với nhau được (chỉ như nói với những người ngoại quốc). Dù rằng trong lời nói của mỗi người có ít nhiều đặc điểm cá nhân riêng biệt, nhưng ta nghe và hiểu nội dung lời nói của người khác không phải từ những đặc điểm riêng của cá nhân mà là căn cứ vào những qui tắc của ngôn ngữ (như qui tắc từ vựng, ngữ pháp...) được sử dụng trong lời nói đó.

Từ những vấn đề trên có thể kết luận rằng:

- Ngôn ngữ không phải là một hiện tượng tự nhiên, không phải là một cơ thể sinh vật.
- Sự tồn tại và phát triển của ngôn ngữ không chịu ảnh hưởng của quy luật tự nhiên mà trực tiếp chịu sự tác động của các quy luật xã hội.
- Các đặc trưng chủng tộc của con người không có quan hệ gì đến ngôn ngữ.
- Ngôn ngữ chỉ có ở con người, đó là hệ thống tín hiệu thứ hai, loài vật không thể có ngôn ngữ.
- Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội, là sản phẩm chung của xã hội.

Như vậy, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, bản chất xã hội của ngôn ngữ thể hiện ở chỗ: *nó phục vụ xã hội với tư cách là phương tiện giao tiếp của xã hội; nó thể hiện ý thức của xã hội, là công cụ để tư duy; sự tồn tại và phát triển của ngôn ngữ gắn liền với sự tồn tại và phát triển của xã hội.*

1.3.1.2. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt

- Khi khẳng định ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội thì đồng thời phải nhận thấy vị trí của ngôn ngữ trong mối quan hệ với các hiện tượng xã hội khác.